

BÁO CÁO
CÔNG KHAI TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NSNN 9 THÁNG NĂM 2019

Thực hiện Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh, khóa IX, kỳ họp thứ 10 về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2019 và Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh, khóa IX, kỳ họp thứ 10 về phân bổ ngân sách địa phương năm 2019.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 2979/QĐ-UBND ngày 10/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, cụ thể như sau:

- Dự toán thu NSNN trên địa bàn..... **8.000 tỷ đồng.**
- + Thu nội địa..... 7.350 tỷ đồng.
- + Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu 650 tỷ đồng.
- Dự toán chi ngân sách địa phương **8.800 tỷ đồng.**
- + Chi cân đối NSDP..... 8.164 tỷ đồng.
- + Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ 636 tỷ đồng.

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo công khai tình hình thực hiện NSNN 9 tháng năm 2019 như sau:

I. VỀ THU NSNN

Tổng thu NSNN trên địa bàn 7.192,4 tỷ đồng, đạt 89,9% dự toán, tăng 28,5% cùng kỳ; trong đó, thu nội địa: 5.988,4 tỷ đồng, đạt 81,5% dự toán, tăng 16,5% cùng kỳ. Nếu loại trừ ghi thu, ghi chi tiền cho thuê mặt đất: 8,5 tỷ đồng (9 tháng năm 2018: 16,7 tỷ đồng) thì tổng thu NSNN trên địa bàn là 7.183,9 tỷ đồng, đạt 89,8% dự toán, tăng 28,8% cùng kỳ, trong đó:

- Thu nội địa: 5.979,9 tỷ đồng, đạt 81,4% dự toán, tăng 16,7% cùng kỳ.
- Thu xuất nhập khẩu: 1.204 tỷ đồng, đạt 185,2% dự toán, tăng gấp 2,6 lần cùng kỳ.

II. VỀ CHI NSDP

Tổng chi NSDP: 6.264,5 tỷ đồng, đạt 71,2% dự toán, tăng 13,1% cùng kỳ, trong đó: chi cân đối NSDP: 5.371,3 tỷ đồng, đạt 65,8% dự toán, tăng 9,6% cùng kỳ. Nếu loại trừ khoản ghi chi ngân sách từ nguồn thu tiền cho thuê đất: 8,5 tỷ đồng (9 tháng

đầu năm 2018: 16,7 tỷ đồng) thì tổng chi NSDP là 6.256 tỷ đồng, đạt 71,1% dự toán, tăng 13,3% cùng kỳ, trong đó:

- Chi cân đối NSDP: 5.362,8 tỷ đồng, đạt 65,7% dự toán, tăng 9,8% cùng kỳ, trong đó:

- Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ: 893,3 tỷ đồng, đạt 140,5% dự toán., tăng 39,7% cùng kỳ.

III. CÂN ĐỐI THU, CHI NSDP

1. Tổng thu NSDP 8.945,5 tỷ đồng.

- Thu NSDP hưởng 100% và thu điều tiết..... 5.520,8 tỷ đồng.

- Thu bổ sung từ NSTW 1.406,9 tỷ đồng.

- Thu chuyển nguồn năm trước sang 2.017,8 tỷ đồng.

2. Tổng chi NSDP 6.331,1 tỷ đồng.

- Chi cân đối NSDP 5.371,3 tỷ đồng.

- Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ 893,2 tỷ đồng.

- Chi tạm ứng ngân sách 66,6 tỷ đồng.

3. Tồn quỹ NSDP (1-2)..... 2.614,4 tỷ đồng.

- Ngân sách tỉnh 1.697,3 tỷ đồng.

- Ngân sách huyện, xã 917,1 tỷ đồng.

IV. ĐÁNH GIÁ NHẬN XÉT

1. Kết quả đạt được

a) Về thu ngân sách

Công tác thu ngân sách được sự quan tâm chỉ đạo từ các cấp uỷ Đảng, chính quyền và sự phối hợp chặt chẽ của các sở, ban, ngành tỉnh với các huyện, thành phố; công tác phối hợp, quản lý, khai thác nguồn thu đảm bảo theo dự toán. Có 11/16 khoản thu đạt từ 75% trở lên so với dự toán (trong đó có 04 khoản thu vượt dự toán), cụ thể như sau:

- Thu từ DN có vốn ĐTNN đạt 107,8% dự toán, tăng 59,4% cùng kỳ. Nguyên nhân do một số doanh nghiệp kinh doanh có hiệu quả; một số doanh nghiệp hết thời gian ưu đãi, miễn, giảm thuế;

- Lệ phí trước bạ đạt 91,6% dự toán, tăng 36,1% cùng kỳ; Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đạt 107,6% dự toán, tăng 1,2% cùng kỳ; Thuế Thu nhập cá nhân đạt 80,9% dự toán, tăng 16,5% cùng kỳ; Phí và lệ phí đạt 77% dự toán, tăng 14,8% cùng kỳ; Thu tiền thuê đất đạt 98,4% dự toán, tăng 37,2% cùng kỳ; Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đạt 137,5% dự toán, tăng 133,2% cùng kỳ; Các khoản thu tại xã đạt 90,6% dự toán, tăng 8,8% cùng kỳ;

- Thu tiền sử dụng đất đạt 85,1% dự toán, tăng 13,2% cùng kỳ; chủ yếu do tăng thu tiền chuyển mục đích sử dụng đất (từ đất lúa, đất trồng cây lâu năm sang đất ở,

sản xuất kinh doanh), thu từ bán đấu giá quyền sử dụng đất (dự án Siêu thị tại Thị trấn huyện Châu Thành: 21,1 tỷ đồng, đấu giá trụ sở UBND xã Long Khánh 4,8 tỷ đồng,...);

- Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết đạt 91,8% dự toán, tăng 7,9% cùng kỳ, chủ yếu do Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tây Ninh nộp ngân sách lợi nhuận sau thuế còn lại năm 2018 sau khi trích lập các quỹ là 400 tỷ đồng;

- Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu đạt 185,2% dự toán, tăng gấp 2,6 lần cùng kỳ, số thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu của 09 tháng tăng cao so với dự toán và cùng kỳ năm 2018 chủ yếu do số lượng danh mục đăng ký tạo tài sản cố định của doanh nghiệp tăng (09 danh mục dự án điện năng lượng mặt trời); ngoài ra, do các doanh nghiệp thực hiện nộp khoản thuế giá trị gia tăng đối với máy móc thiết bị nhập khẩu tạo tài sản cố định trong năm 2018 được gia hạn nộp thuế theo quy định;

- Có 9/9 huyện, thành phố đều đạt từ 75% dự toán trở lên, trong đó có 03 huyện, gồm: Huyện Châu Thành, Dương Minh Châu và Bến Cầu đã vượt dự toán; chủ yếu do có một số khoản thu vượt tiến độ như: thu từ khu vực ngoài quốc doanh (81,6%), lệ phí trước bạ (91,6%), thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (107,6%), thu tiền sử dụng đất (120,2%).

b) Về chi ngân sách

Tổ chức điều hành chi ngân sách trong phạm vi dự toán được duyệt, thực hiện kiểm soát chi chặt chẽ đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ nhà nước quy định. Mặc dù tiến độ chi ngân sách địa phương đạt thấp so dự toán nhưng đã đảm bảo các nhu cầu chi an sinh xã hội, chi trả tiền lương, phụ cấp, trợ cấp, quốc phòng, an ninh và các nhiệm vụ đột xuất khác, Trong đó: Chi đầu tư phát triển đạt 78,4% dự toán, tăng 19% so với cùng kỳ; Chi thường xuyên đạt 62,4% dự toán, tăng 6,5% cùng kỳ. Một số khoản chi vượt với tiến độ dự toán như: Chi sự nghiệp thủy lợi 114%, do cấp bù miễn thu thủy lợi phí; chi sự nghiệp giao thông đạt 81,7%, do tích cực triển khai các công trình mới và thanh toán các công trình chuyển tiếp; Chi đảm bảo xã hội đạt 93,1%, do chi hỗ trợ tiền Tết Kỷ Hợi năm 2019; Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ đạt 140,5% dự toán, tăng 39,7% cùng kỳ, chủ yếu do giải ngân thực hiện các dự án từ nguồn ngân sách Trung ương bổ sung, vốn trái phiếu chính phủ đã có khối lượng.

2. Khó khăn, hạn chế

a) Về thu ngân sách

Mặc dù tổng thu ngân sách nhà nước đạt khá nhưng vẫn còn 5/16 khoản thu chưa đạt tiến độ, dưới 75% với dự toán, cụ thể: Thu từ DNNN đạt 72,1% dự toán, tăng 11,6% cùng kỳ; Thu từ khu vực ngoài quốc doanh đạt 74,5% dự toán, tăng 12,9% cùng kỳ; Thuế bảo vệ môi trường đạt 60,6% dự toán, tăng 21,7% cùng kỳ; Thu khác ngân sách đạt 62,9% dự toán, giảm 17,7% cùng kỳ; Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế đạt 34% dự toán, giảm 69,8% cùng kỳ;

b) Về chi ngân sách

- Chi thường xuyên tiến độ giải ngân thấp đạt 62,4% dự toán, tăng 6,5% cùng kỳ. Trong đó, có một số khoản chi đạt rất thấp so với dự toán, gồm các lĩnh vực như: Chi sự nghiệp nông nghiệp đạt 27,2%, do một số công việc phải triển khai thực hiện theo trình tự thời gian quy định (công tác kiểm tra, phúc tra, lấy mẫu, công tác tiêm phòng,...); một số dự án không thực hiện theo kế hoạch đã đề ra, như: Dự án trồng thâm canh cây Bưởi, cây Xoài, mô hình nuôi thâm canh Cá tra,...; một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp phải điều chỉnh phù hợp với các quy định mới của Chính phủ, phù hợp với xu hướng phát triển mới hoặc một số Đề án mới có nhiều nội dung phải lấy ý kiến của các Sở, ngành có liên quan nên tiến độ giải ngân còn chậm; Chi sự nghiệp lâm nghiệp: 38,8%, do các hạng mục công trình lâm sinh thuộc nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng chiếm tỷ trọng lớn trong dự toán được giao nhưng thường được nghiệm thu và thanh toán vào cuối năm sau khi các hộ nhận giao khoán rừng trồng hoàn thành nhiệm vụ; Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình đạt 32,7%, sự nghiệp khoa học công nghệ đạt 35,5%, sự nghiệp môi trường 42,5%, sự nghiệp kiến thiết thị chính đạt 41,6%... chủ yếu do tiến độ triển khai thực hiện của các đơn vị dự toán còn chậm.

- Chi Chương trình mục tiêu quốc gia đạt thấp 53,3% dự toán, tăng 22,5% cùng kỳ, do công tác phân khai vốn còn chậm, tiến độ triển khai thực hiện và giải ngân vốn của các đơn vị, huyện được giao thực hiện Chương trình còn chậm.

(Chi tiết theo biểu số 59/CK-NSNN, 60/CK-NSNN và 61/CK-NSNN)

Trên đây là Báo cáo công khai tình hình thực hiện NSNN 9 tháng năm 2019./.

Nơi nhận: 

- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm CBTH (Đăng Công thông tin điện tử tỉnh TN);
- Sở Tài chính (Đăng Công thông tin điện tử STC);
- LĐVP;
- Phòng KTTC;
- Lưu: VT. VP.

(Dương Thảo 2019 21. BC)

8

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Dương Văn Thắng



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 9 THÁNG NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số: 553/BC-UBND ngày 11/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)



Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2019	ƯỚC THỰC HIỆN 9 THÁNG NĂM 2019	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN	CÙNG KỲ
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	8.000.000	7.192.415	89,9%	128,5%
I	Thu cân đối NSNN	8.000.000	7.192.415	89,9%	128,5%
1	Thu nội địa	7.350.000	5.988.415	81,5%	116,5%
2	Thu từ dầu thô	0			
3	Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	650.000	1.204.000	185,2%	263,9%
4	Thu viện trợ	0			
II	Thu chuyển nguồn	3.068	2.017.848	65770,8%	175,5%
B	TỔNG CHI NSDP	8.800.000	6.264.512	71,2%	113,1%
I	Chi cân đối NSDP	8.164.042	5.371.257	65,8%	109,6%
	<i>Trong đó</i>				
1	Chi đầu tư phát triển	2.491.920	1.961.085	78,7%	116,8%
2	Chi thường xuyên	5.451.538	3.403.992	62,4%	106,5%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1.600	680	42,5%	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000		0,0%	0,0%
5	Dự phòng ngân sách	159.400		0,0%	
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	635.958	893.255	140,5%	139,7%
C	BỘI CHI NSDP	60.900		0,0%	
D	CHI TRẢ NỢ GỐC	16.815		0,0%	

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 9 THÁNG NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số 354/BC-UBND ngày 11/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2019	ƯỚC THỰC HIỆN 9 THÁNG NĂM 2019	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN	CÙNG KỲ
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (I+II+III+IV)	8.000.000	7.192.415	89,9%	128,5%
I	Thu nội địa	7.350.000	5.988.415	81,5%	116,5%
1	Thu từ Doanh nghiệp nhà nước	625.000	450.399	72,1%	111,6%
2	Thu từ DN có vốn ĐTNN	470.000	506.745	107,8%	159,4%
3	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	1.600.000	1.191.508	74,5%	112,9%
4	Thuế thu nhập cá nhân	710.000	574.295	80,9%	116,5%
5	Thuế bảo vệ môi trường	705.000	426.935	60,6%	121,7%
6	Lệ phí trước bạ	325.000	297.650	91,6%	136,1%
7	Thu phí, lệ phí	460.000	354.032	77,0%	114,8%
8	Các khoản thu về nhà đất	658.000	600.372	91,2%	123,2%
	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>				
	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	8.000	8.606	107,6%	101,2%
	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	360.000	306.368	85,1%	113,2%
	<i>Thu tiền thuê đất</i>	290.000	285.398	98,4%	137,2%
	<i>Tiền cho thuê và bán nhà thuộc sở hữu nhà nước</i>				
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	21.000	28.875	137,5%	233,2%
10	Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế	10.000	3.402	34,0%	30,2%
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	1.515.000	1.390.576	91,8%	107,9%
12	Các khoản thu tại xã	21.000	19.022	90,6%	108,8%
13	Thu khác ngân sách	230.000	144.604	62,9%	82,3%
II	Thu từ dầu thô	0	0	0	0
III	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	650.000	1.204.000	185,2%	263,9%
IV	Thu viện trợ	0	0	0	0
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG 100% VÀ ĐIỀU TIẾT	6.743.343	5.520.828	81,9%	114,5%



ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 9 THÁNG NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số: 559 /BC-UBND ngày 11/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2019	ƯỚC THỰC HIỆN 9 THÁNG NĂM 2019	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NSDP	8.800.000	6.264.512	71,2%	113,1%
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	8.164.042	5.371.257	65,8%	109,6%
I	Chi đầu tư phát triển	2.491.920	1.961.085	78,7%	116,8%
1	Chi đầu tư XD CB	2.419.920	1.946.155	80,4%	118,4%
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	0			
3	Chi đầu tư phát triển khác	72.000	14.930	20,7%	
III	Chi thường xuyên	5.451.538	3.403.992	62,4%	106,5%
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.179.378	1.387.871	63,7%	110,0%
2	Chi khoa học và công nghệ	34.970	12.417	35,5%	108,2%
3	Chi sự nghiệp y tế	473.950	225.333	47,5%	83,6%
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	81.080	54.110	66,7%	138,5%
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	66.420	21.707	32,7%	224,9%
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	33.390	15.724	47,1%	88,7%
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	126.500	53.822	42,5%	117,8%
8	Chi sự nghiệp kinh tế	837.465	456.354	54,5%	114,0%
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	931.650	685.146	73,5%	103,2%
10	Chi bảo đảm xã hội	256.036	238.393	93,1%	115,8%
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1.600	680	42,5%	
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000		0,0%	0,0%
V	Dự phòng ngân sách	159.400		0,0%	
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ	635.958	893.255	140,5%	139,7%
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	142.318	75.829	53,3%	122,5%
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	493.640	817.426	165,6%	141,5%

